

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 120/2024/HSST
Ngày 25 - 9 - 2024*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUY TIÊN - HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạnh Xuân Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Đức Liên, ông Nguyễn Minh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: bà Ngô Thị Thanh Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 116/2024/HSST ngày 13 tháng 9 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2024/QĐXX-HS ngày 13 tháng 9 năm 2024; đối với:

1- Bị cáo **Nguyễn Xuân T**, sinh năm 1990; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: **Tổ dân phố Q, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn Q** và bà **Nguyễn Thị T1**; vợ: **Nguyễn Thị H**; con: Có 04 con (lớn SN 2009, nhỏ SN 2022); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 28/5/2024, đến ngày 06/6/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại; có mặt.

2- Bị hại: Ông **Nguyễn Văn Q1**, sinh năm 1969 (đã chết). Đại diện theo pháp luật: Bà **Đặng Thị Y**, sinh năm 1973; anh **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 1994; cùng địa chỉ: **Tổ dân phố T, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam**; chị **Nguyễn Thị T3**, sinh năm 1996; địa chỉ: **Thôn T, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam**. Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Quốc P**, sinh năm 1959; địa chỉ: **Tổ dân phố T, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam**; có mặt.

3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh **Nguyễn Đức D**, sinh năm 1982; địa chỉ: **Thôn T, xã Y, thị xã D, tỉnh Hà Nam**; vắng mặt

+ Anh **Lê Xuân H1**, sinh năm 1975; vắng mặt.

+ Anh **Phạm Quang T4**, sinh năm 1982; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: **Tổ dân phố Q, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam**

+ Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1990; địa chỉ: **Tổ dân phố T, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam**; vắng mặt.

4- Người làm chứng: Ông **Phạm Văn Q2**, sinh năm 1954; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 4/2024, anh **Lê Xuân H1**, sinh năm 1975, cư trú tại **tổ dân phố T, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam** nhận làm cai thầu xây dựng tại công trình nhà xưởng của anh **Phạm Quang T4**, sinh năm 1982, ở **tổ dân phố số C, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam**.

Quá trình nhận thầu công trình, khoảng đầu tháng 5/2024, khi đào xong móng nhà, anh **H1** thuê **Nguyễn Xuân T** đến công trình để đào bể phốt ở vị trí cách tường bên phải theo hướng từ cửa đi vào khoảng 70 - 80cm, cách nhà vệ sinh khoảng 1,5m. Sau khi đào bể phốt xong khoảng 2 - 3 ngày sau, **T** chở gạch đến xưởng nhà anh **T4** thì thấy bể phốt đã xây xong nhưng chưa đặt nắp. Khoảng ngày 10/5/2024, **T** chở đá mặt đến thì bể phốt đã đặt nắp và nền nhà đã được san phẳng. Sáng ngày 26/5/2024, anh **H1** gọi **T** chở bê tông đến để đổ nền cho gia đình anh **T4**. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 26/5/2024, **T** điều khiển xe bốn bánh tự chế chở chuyển đầu tiên khoảng 1,5m³ bê tông từ **thôn T, xã Y, thị xã D** đến đổ xuống nền xưởng phía bên trái theo hướng từ ngoài đi vào để cho thợ san nền rồi tiếp điều khiển xe về **thôn T** chở chuyển bê tông thứ hai. Khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, **T** điều khiển xe bốn bánh tự chế chở khoảng 1,5m³ bê tông đến xưởng của gia đình Trung. Sau khi đổ khoảng 2/3 xe bê tông xuống nền cho thợ xây san nền thì anh **H1** bảo **T** đổ 1/3 xe bê tông còn lại vào vị trí gần nhà vệ sinh. Lúc này, anh **H1** đang đứng ở phía sau xe bê tông để chỉ vị trí cho **T** đổ bê tông và ông **Nguyễn Văn Q1**, sinh năm 1969 trú tại **tổ dân phố Q, phường H, thị xã D** là thợ san nền đang đứng phía bên trái xe bê tông và đứng sát tường. Đồng thời, anh **H1** nhắc **T** "*Cẩn thận nắp bể phốt*" nhưng do tiếng xe ồn nên **T** không nghe thấy anh **H1** nói. Mặc dù, **T** biết rõ vị trí của bể phốt, nhận thức được việc lùi xe qua nắp bể phốt sẽ gây sập nắp bể, nhưng do lúc đó **T** không tập trung và không nhớ được ở phía dưới nền nhà có bể phốt nên vẫn tiếp tục điều khiển xe để lùi qua nắp bể phốt. Do trọng lượng của xe bê tông lớn, khoảng hơn 01 tấn nên khi **T** điều khiển xe bốn bánh tự chế lùi đã để bánh xe phía sau bên trái lăn trên nắp bể phốt, làm sập nắp, bánh xe thụt xuống bể làm xe bị đổ nghiêng sang trái, thành phía sau bên trái xe đã đè ép ngực và tay phải ông **Q1** vào tường. **T** cùng anh **H1** và những người thợ xây ở đó

đã gọi một xe tự chế khác đến kéo xe bê tông này ra rồi đưa ông Q1 đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh H nhưng ông Q1 đã tử vong ngay sau đó.

- Vật chứng thu giữ gồm: 01 xe bốn bánh tự chế, phía sau có thùng chở bê tông.

- Khám nghiệm hiện trường: Công trình nhà đang xây dựng quay hướng Nam, mặt sàn có kích thước (19x8,5)m, phía Bắc, Đ, T5 được xây tường bao dày 20cm, hướng Nam làm toàn bộ bằng cửa sắt có kích thước (7,5x4,1)m. Mái nhà được lợp tôn. Trên sàn nhà đang đổ bê tông ở khu vực giáp tường phía Tây và phía Bắc, bê tông được đổ san nền bằng phẳng, còn ướt. Khu vực giáp phía Đông được trải bạt để chuẩn bị đổ bê tông có kích thước (15x4,5)m. Góc Đông Bắc xây nhà vệ sinh và kệ bếp. Bể phốt của nhà vệ sinh được đào ở vị trí gần khu vực phía Nam của kệ bếp, cách mép phía Nam của chân kệ bếp là 0,5m, cạnh bể phốt phía Đông cách tường phía Đông là 0,5m. bể phốt có nắp hình chữ nhật kích thước (1,7x1,3)m, bể sâu 0,9m. Nắp bể phốt bị sập, rách bạt phía trên tạo ra lỗ hổng kích thước (1,4x1,3)m, còn lại 01 phần nắp bể phốt ở mép phía Nam của bể. Tám nắp bể phốt được làm bằng bê tông bên trong có lõi thép, dày 4cm. Trên tường phía Đông có đám vết mài suốt xi măng liên tục trên diện tích kích thước (0,7x0,1)m, điểm đầu vết cách đất là 0,7m, điểm cuối vết cách đất là 0,5m, điểm đầu vết cách mép phía Nam kệ bếp là 1,15m.

- Khám nghiệm phương tiện: Chiếc xe Nguyễn Xuân T điều khiển là xe tự chế, loại xe 02 trục, trục trước và trục sau đều có 02 bánh, phía sau có bồn chứa bê tông hình trụ. Mặt ngoài phía sau bên trái trụ chứa bê tông có vết mài trượt hướng từ sau về trước, kích thước (30x0,5)cm, điểm đầu vết cách đầu bên trái ống ty kéo tay xả 5cm, điểm thấp nhất cách đất 134cm. Mặt ngoài dây dẫn dầu ống ty có vết mài trượt trên diện tích kích thước (6x6)cm, điểm thấp nhất cách đất là 110cm. Mặt ngoài bên trái giáp mép phía trên bồn chứa bê tông có đám vết trượt hướng từ sau về trước trên diện tích kích thước (28x15)cm, điểm gần nhất cách chân ty van xả 110cm, điểm thấp nhất cách đất 182cm. Kiểm tra trong bồn không còn bê tông.

Tại bản kết luận giám định tử thi số 22/KLGĐTT-TTGĐYK&PY ngày 20/6/2024 của Trung tâm giám định y khoa và pháp y tỉnh H kết luận: Nguyên nhân tử vong của ông Nguyễn Văn Q1 do mất máu cấp và suy hô hấp cấp hậu quả của chấn thương ngực, bụng kín (vỡ gan, rách phổi);

Tại Bản kết luận giám định mô bệnh học số 01/KLMBH-TTGĐYK&PY ngày 11/6/2024 của Trung tâm giám định y khoa và pháp y tỉnh H kết luận:

- + Da: rách da, đụng dập, chảy máu.
- + Cơ: đụng dập, chảy máu.
- + Phổi: đụng dập, chảy máu.
- + Tim: Thoái hóa, thiếu dưỡng.
- + Lách: sung huyết.

Tại Bản kết luận giám định độc chất số 350/466/2024/KLGDĐC-PYQG ngày 03/6/2024 của **V** kết luận: Mẫu phủ tạng và máu: Không tìm thấy các chất độc.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo **Nguyễn Xuân T** và gia đình đã thống nhất bồi thường cho gia đình ông **Nguyễn Văn Q1** với số tiền 120.000.000 đồng.

Cáo trạng số 119/CT-VKS-DT ngày 12/9/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên truy tố bị cáo **Nguyễn Xuân T** về tội “Vô ý làm chết người” theo khoản 1 Điều 128 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 128; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt **Nguyễn Xuân T** mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đưa ra quan điểm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và tuyên án phí đối với bị cáo.

Tại phiên tòa: Bị cáo **Nguyễn Xuân T** xin giảm nhẹ và không tranh luận gì; Người đại diện của bị hại không tranh luận gì và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, của Điều tra viên và Kiểm sát viên: Việc xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ chứng minh tội phạm, ban hành các văn bản tố tụng đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, HĐXX xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng khác cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 26/5/2024, tại công trình nhà xưởng đang thi công của gia đình anh **Phạm Quang T4**, ở **tổ dân phố số C, phường H, thị xã D**, mặc dù trước đó biết dưới nền nhà có 01 bể phốt đập nắp bê tông nhưng khi được ông **Lê Xuân H1** yêu cầu chở bê tông đổ vào khu vực gần nhà vệ sinh, phía bên trong bể phốt để san nền, do cầu thả, không chú ý quan sát nên **Nguyễn Xuân T** đã điều khiển xe bốn bánh tự chế chở bê tông có trọng tải hơn 01 tấn lùi bánh xe phía sau bên trái lăn qua nắp bể phốt làm sập nắp, bánh xe thụt xuống bể, xe bị đổ nghiêng sang trái, thành phía sau bên trái xe đã đè ép ngực và tay phải ông **Nguyễn Văn Q1** đang đứng ở phía bên trái xe vào tường làm ông **Q1** bị chấn thương ngực, bụng kín (vỡ gan, rách phổi) dẫn đến tử vong ngay sau đó.

Hành vi nêu trên của **Nguyễn Xuân T** gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tổng thể các quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ đó là quyền nhân thân, tước đi quyền sống của con người, hành vi của bị cáo vô ý làm chết 01 người trong thời gian đang thi công nhà xưởng nêu trên đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Vô ý làm chết người" quy định tại khoản 1 Điều 128 Bộ luật hình sự (BLHS). Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS):

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt;

Về tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo cùng gia đình đã khắc phục hậu quả bằng việc bồi thường theo thỏa thuận với gia đình bị hại và được đại diện của bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đối chiếu với quy định của pháp luật, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt: Từ những nhận định trên cho thấy bị cáo phạm tội với lỗi vô ý, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại Điều 51 BLHS, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, sau khi xem xét mọi mặt, HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của gia đình, xã hội tạo điều kiện cho bị cáo cải sửa thành công dân tốt, phù hợp với quan điểm xử lý bị cáo của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong tại giai đoạn điều tra nên không đặt ra xem xét.

[6] Đối với các hành vi khác:

+ Đối với anh **Nguyễn Đức D** là người chủ chiếc xe bốn bánh tự chế và thuê **T** chở bê tông lên đồ tại công trình nhà anh **Phạm Văn T6** làm ông **Nguyễn Văn Q1** bị tử vong. Quá trình điều tra xác định anh **D** không có lỗi trong việc **T** lười xe làm chết ông **Nguyễn Văn Q1**. Do đó, Cơ quan CSĐT **Công an thị xã D** không có căn cứ để xử lý đối với anh **D** là phù hợp quy định của pháp luật.

+ Đối với ông **Lê Xuân H1** là người gọi **T** chở bê tông đến đổ nền nhà cho gia đình anh **Phạm Văn T6** và chỉ vị trí đổ bê tông cho **T**. Tuy nhiên khi **T** lười xe bốn bánh chở bê tông thì ông **H1** đã nói với **T** "*Cẩn thận nắp bể phốt*". Ông **H1** không có lỗi trong việc **T** lười xe làm chết ông **Nguyễn Văn Q1** nên cơ quan CSĐT **Công an thị xã D** không có căn cứ để xử lý đối với ông **H1** là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về vật chứng, tài liệu thu giữ: Đối với 01 xe bốn bánh loại xe tự chế phục vụ thi công tại công trường mà bị cáo **T** điều khiển gây tai nạn làm chết bị hại. Quá trình đấu tranh xác định đây là tài sản hợp pháp của anh **Nguyễn Đức D**, anh **D** không có lỗi trong hành vi phạm tội của bị cáo, nên HĐXX cần trả lại cho anh **D** chiếc xe trên là phù hợp quy định của pháp luật.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, các đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định.

Từ nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về hình sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 128; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Xuân T** phạm tội “Vô ý làm chết người”.

Xử phạt: **Nguyễn Xuân T** 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo **Nguyễn Xuân T** cho Ủy ban nhân dân phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh **Nguyễn Đức D**: 01 xe bốn bánh tự chế, phía sau có thùng hình tròn dính bê tông khô. (đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an thị xã D và Chi cục thi hành án thị xã Duy Tiên ngày 13/9/2024).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bị cáo **Nguyễn Xuân T** phải nộp 200.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm: Bị cáo, người đại diện của bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cơ quan CSĐT Công an T;
- VKSND thị xã Duy Tiên;
- Chi cục THADS thị xã D;
- Cơ quan THAHS Công an T;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo; đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mạnh Xuân H2

Do cần tiền tiêu sài cá nhân nên khoảng 02 giờ 30 phút ngày 09/7/2024, **Bùi Văn Tuấn A** đi bộ từ **quán Đ1** thuộc **tổ dân phố T, phường B, thị xã D** đến **tổ dân phố G, phường B, thị xã D** mục đích tìm nhà dân nào sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đi đến dãy nhà trọ của chị **Bùi Thị Bích H3**, sinh năm 1975, trú tại **tổ dân phố G, phường B, thị xã D** thì **Tuấn A** thấy cửa cổng vẫn mở nên đi vào bên trong nhà trọ, phát hiện thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Air Blade, màu đen, biển kiểm soát 34F1 - 325.38, bên trong cốp xe có 01 ví giả da màu đen, 01 đăng ký xe mô tô, 01 thẻ ATM, 01 giấy phép lái xe của anh **Vũ Văn D1**, sinh năm 1997, trú tại **thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương** đang để ở ngay cạnh cửa ra vào nhà trọ. **Tuấn A** đi đến vị trí dựng chiếc xe mô tô trên, kiểm tra thấy xe không khóa cổ nên đã dắt chiếc xe này đi bộ về **quán Đ1** 9x rồi dựng trước cửa quán. Đến khoảng 05 giờ 30 phút ngày 09/7/2024, **Tuấn A** sử dụng Facebook là “**Văn T7**” tìm trên mạng Facebook thì thấy nick Facebook có tên “**Chi Thần Đền**” của anh **Trần Đồng N**, sinh năm 1995, trú tại **thôn B, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam** chuyên mua bán xe mô tô đã qua sử dụng, **Tuấn A** nhắn tin cho anh **N** để giao dịch mua bán xe mô tô BKS 34F1 - 325.38. Đến khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày, anh **N** đi đến **quán Đ1** để xem xe nhưng do xe mô tô trên không chính chủ và không có chìa khóa xe nên anh **N** không mua. Sau khi phát hiện bị mất xe mô tô, anh **Vũ Văn D1** trình báo sự việc trên đến **Công an phường B, thị xã D**. Sau đó, **Tuấn A** bị lực lượng **Công an phường B** triệu tập đến làm việc. Tại Cơ quan Công an, **Tuấn A** đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp xe mô tô của anh **Vũ Văn D1**.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 xe mô tô Honda AirBlade BKS 34F1 - 325.38; 01 ví giả da màu đen bên trong có 01 đăng ký xe mô tô 34F1 - 325.38, 01 giấy phép lái xe và 01 thẻ **ngân hàng V1** đều mang tên **Vũ Văn D1** do **Bùi Văn Tuấn A** tự nguyện giao nộp.

- 01 chìa khóa Smartkey của xe mô tô 34F1 - 325.38 do anh **Vũ Văn D1** giao nộp.

Tại bản Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 48 ngày 16/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản **thị xã D** kết luận 01 xe mô tô 34F1 - 325.38 trị giá tài sản là 20.000.000đ, 01 ví giả da màu đen trị giá 5.000đ, 01 đăng ký xe mô tô, 01 thẻ ATM, 01 giấy phép lái xe đều không có trị giá. Tổng trị giá tài sản là 20.005.000đ.

Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô 34F1 - 325.38 kèm theo giấy tờ xe, thẻ ATM, giấy phép lái xe là tài sản hợp pháp của anh **Vũ Văn D1**, chiếc xe này không là vật chứng, tang vật của vụ án, vụ việc nào khác nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng và trả lại xe mô tô BKS: 34F1 - 325.38 kèm theo giấy tờ xe, chìa khóa xe, thẻ ATM, 01 ví giả da, 01 giấy phép lái xe cho anh **Vũ Văn D1**.

Về trách nhiệm dân sự: Anh **D1** đã nhận lại toàn bộ tài sản nên không có yêu cầu, đề nghị **Bùi Văn Tuấn A** phải bồi thường gì khác.

Cáo trạng số 122/CT-VKS - DT ngày 09/9/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 BLHS. Xử phạt: **Bùi Văn Tuấn A** mức án tù..... tháng tù. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa còn đưa ra quan điểm về trách nhiệm dân sự, hình phạt bổ sung và tuyên án phí đối với bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt ngoài ra không tranh luận gì;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử(HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát và các chức danh tư pháp đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng trong vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người tham gia tố tụng khác cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 03 giờ ngày 09/7/2024 tại **TDP G, phường B, thị xã D, tỉnh Hà Nam**, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản, **Bùi Văn Tuấn A** đã trộm cắp 01 xe mô tô BKS: 34F1 - 325.38 trị giá 20.000.000 đồng, bên trong cốp xe có 01 ví giả da trị giá

5.000 đồng của anh **Vũ Văn D1**. Tổng trị giá tài sản **Bùi Văn Tuấn A** trộm cắp là 20.005.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Hành vi đó của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do vậy, Cáo trạng 122/CT-VKS - DT ngày 09/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên đã truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu.

+ Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo Điều 52 Bộ luật hình sự.

+ Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt:

Hình phạt chính: Như đã nhận định: Bị cáo là người có nhân thân xấu, nên cần phải ấn định mức hình phạt nghiêm khắc, theo đó cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có thời gian giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân tốt mới có tác dụng đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản, đến nay không có yêu cầu gì khác. Do vậy, HĐXX không đặt ra giải quyết.

[6] Về vật chứng vụ án: Đã được xử lý trong giai đoạn điều tra nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đương sự khác thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về hình sự.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: bị cáo **Bùi Văn Tuấn A** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: **Bùi Văn Tuấn A**..... tháng tù.
Thời hạn tù tính từ ngày 10/7/2024.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo **Bùi Văn Tuấn A** phải nộp số tiền 200.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

Báo cho bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- TAND tối cao;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cơ quan CSĐT Công an TX Duy Tiên;
- VKSND thị xã Duy Tiên;
- Chi cục THADS thị xã Duy Tiên;
- Cơ quan THAHS Công an TX Duy Tiên;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo; đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

Mạnh Xuân Hải